TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 8/2025/LĐ-ST
Ngày: 23/6/2025
V/v "Tranh chấp đòi tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/TLST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Tranh chấp đòi tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng Nhật S, sinh năm 2000;

Địa chỉ: 171/15/3/ G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần S;

Trụ sở: 621 H, Phường V, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Chí S, bà Nguyễn Thị H;

Là người đại diện theo pháp luật, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Đỗ Hoàng Nhật S (sau đây gọi là ông S) trình bày:

Ông S là người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần S (Công ty S), ký hợp đồng lao động số 37/2023/HĐLĐ-Fit24 vào ngày 01/11/2023 và phụ lục hợp đồng lao động số 03/2024/PLHĐLĐ-Fit24 vào ngày 01/07/2024. Hợp đồng

lao động có thời hạn từ 01/11/2023 đến hết ngày 31/10/2024. Ông S ký hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động cùng công ty Cổ phần S với chức danh nhân viên Marketing với tổng mức lương là 9.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, công ty đã nợ lương ba tháng (7,8,9/2024). Ông S đã nhiều lần liên hệ phòng nhân sự và ban giám đốc nhưng chỉ nhận được phản hồi là chờ đợi mà không có thời gian chi lương cụ thể.

Đến ngày 05/10/2024, công ty đột ngột đóng cửa toàn bộ hệ thống mà không có lý do cũng như thời gian cụ thể sẽ mở cửa lại. Từ khi đóng cửa đến nay, công ty vẫn không hề thông báo bất ký thông tin gì về việc chi trả lương cho nhân viên.

Ông S nhờ Phòng Nội vụ Quận 3 hòa giải về việc trả lương nhưng cả hai lần hòa giải bên phía Công ty Cổ phần S đều không có mặt. Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Công ty Fit24 trả tiền lương là 25.542.000 đồng gồm Tháng 07/2024 là 8.764.000 đồng, Tháng 08/2024 là 8.764.000 đồng và Tháng 09/2024 là 8.014.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án*:

[3] Nguyên đơn ông S khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần S trả tiền lương nên đây là vụ án lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được qui định tại Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp giữa ông S và Công ty Cổ phần S đã qua thủ tục hòa

giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Tòa án nên đủ điều kiện để Tòa án giải quyết tranh chấp này.

[4] Do bị đơn có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng*:

[6] Nguyên đơn ông S có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử. Bị đơn Công ty Cổ phần S vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[7] *Về áp dụng luật:*

[8] Do Hợp đồng lao động số 37/2023/HĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/2024/PLHĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/07/2024 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 để giải quyết.

[9] *Về yêu cầu của đương sự*:

[10] Nguyên đơn ông S yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần S trả số tiền lương còn thiếu tổng cộng là 25.542.000 đồng. Gồm tiền lương tháng 07/2024 là 8.764.000 đồng, tháng 08/2024 là 8.764.000 đồng, tháng 09/2024 là 8.014.000 đồng.

[11] Căn cứ Hợp đồng lao động số 37/2023/HĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/2024/PLHĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/07/2024 thể hiện hai bên đã xác lập quan hệ lao động, loại hợp đồng là hợp đồng có thời hạn 12 tháng, nên đây là hợp đồng lao động xác định thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại các Điều 13, 14, 15, 22, 23 Bộ luật Lao động thì thỏa thuận giữa ông S và Công ty S theo Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng lao động đã ký kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[12] Căn cứ lời khai của nguyên đơn ông S, Hợp đồng lao động số 37/2023/HĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/11/2023 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 03/2024/PLHĐLĐ-Fit24 ký ngày 01/07/2024 được giao kết giữa Công ty S và ông S có cơ sở xác định tổng thu nhập lương mà người lao động ông S được hưởng bao gồm lương cơ bản là 5.010.000 đồng/tháng, tiền cơm là 720.000 đồng/tháng, đồng phục là 400.000 đồng/tháng, tiền xăng là 1.200.000 đồng/tháng, tiền điện thoại là 870.000 đồng/tháng, chuyên cần là 800.000 đồng/tháng, tổng cộng 9.000.000 đồng/tháng.

[13] Căn cứ Phiếu thanh toán lương tháng 7, 8, 9/2024 do Công ty S gửi ông S có cơ sở xác định sau khi đã trừ các khoản giảm trừ thì tiền lương ông S của tháng 7/2024 là 8.764.000 đồng, tháng 8/2024 là 8.764.000 đồng, tháng 9/2024 là 8.014.000 đồng.

[14] Căn cứ Bảng Chi tiết tài khoản khách hàng Đỗ Hoàng Nhật S tại Ngân hàng Quốc tế từ ngày 26/02/2024 đến ngày 26/02/2025 và Biên bản hòa giải tranh chấp lao động của Phòng Lao động-Thương binh và xã hội Quận 3 lập ngày 11/3/2025, 14/3/2025 có cơ sở xác định Công ty S nợ ông S tiền lương của tháng 7/2024, tháng 8/2024, tháng 9/2024.

[15] Căn cứ Khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động quy định:

"Điều 94. Nguyên tắc trả lương

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp."

[16] Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Lao động quy định:

"Điều 95. Trả lương

1.Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc."

[17] Căn cứ Khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động quy định:

"Điều 97. Kỳ hạn trả lương

4. Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn thì không được chậm quá 30 ngày;..."

[18] Xét thấy, theo quy định trên người sử dụng lao động phải có trách nhiệm trả lương đúng hạn cho người lao động theo đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì người lao động ông S đã làm việc đến hết tháng 09/2024 nhưng từ tháng 10/2024 đến nay Công ty S không hoạt động, không trả tiền lương còn thiếu cho ông S. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Xét, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[19] Từ những nhận định trên xác định Công ty S còn nợ ông S tiền lương của tháng 7/2024, tháng 8/2024, tháng 9/2024 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với những quy định pháp luật đã được viện dẫn ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty S chịu 766.260 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điều 266, Điều 267, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13, 14, 15, 22, 23, Khoản 1 Điều 94, Khoản 1 Điều 95 và Khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng Nhật S:

Buộc Công ty Cổ phần S trả tiền lương của tháng 7, 8, 9/2024 cho ông Đỗ Hoàng Nhật S với số tiền là 25.542.000 đồng.

Công ty Cổ phần S thanh toán số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần S phải chịu án phí sơ thẩm là 766.260 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Hoàng Nhật S, Công ty Cổ phần S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Anh